

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN THI
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Án số: 02/2024/KDTM-ST
Ngày 01 tháng 8 năm 2024
“ V/v Tranh chấp hợp tín dụng ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN THI - TỈNH HƯNG YÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Bá H**
- Các hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Quang C**
Ông **Nguyễn Thanh B**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Dương Mạnh H** - CBTA.
Đại diện VKS tham gia phiên tòa: Ông **Đỗ Văn T** - Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 08 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 04/2024/TLST-KDTM ngày 17/5/2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2024/QĐXX - KDTM ngày 15/7/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn : **NH**

Địa chỉ: Số 02 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, TP Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Toàn Vượng** – Chức vụ: Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Hồng Quang** – CV: Giám đốc NH – Chi nhánh huyện An Thi, tỉnh Hưng Yên.

Người được ủy quyền: Ông **Ngô Đức Thuận** – Chức vụ: Phó giám đốc ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn – Chi nhánh huyện An Thi

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1973

Anh **Lương Trung N**, sinh năm 1970

Chị **Lương Thị Y**, sinh năm 1993

Đều trú tại: Trú Đình, Xuân Trú, An Thi, Hưng Yên

Anh N, chị Y ủy quyền cho chị L

Các đương sự có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/4/2024 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn, đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày, nội dung vụ án như sau:

Quan điểm đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Gia đình bà L và ông N là khách hàng vay vốn của Ngân hàng Agribank- Chi nhánh huyện An Thi từ nhiều năm. Ngày 05/01/2017, ông N và chị Y ủy quyền cho bà L tiếp tục ký hợp đồng tín dụng số 2409-LAV-201800390 ngày 30/01/2018 với Ngân hàng Agribank- Chi nhánh huyện An

Thi. Nội dung của hợp đồng: Agribank cấp tín dụng cho bà L số tiền 500.000.000 đồng, để gia đình bà L kinh doanh chăn nuôi lợn thịt; Lãi suất trong hạn 10%/năm/nợ gốc và được điều chỉnh 03 tháng một lần; Thời hạn cho vay là 12 tháng, kể từ ngày 30/01/2018 đến ngày 30/01/2019; Đến kỳ trả nợ nếu không trả nợ gốc/lãi đúng hạn mà không được Agribank chấp thuận thì số dư nợ gốc/lãi đến hạn chưa trả sẽ chuyển sang nợ quá hạn, bên vay phải chịu lãi suất phạt quá hạn trên nợ gốc quá hạn và lãi chậm trả trên số lãi quá hạn (Lãi suất quá hạn nợ gốc bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; Lãi suất chậm trả lãi 10%/năm). Vợ chồng bà L, ông N đã dùng tài sản là quyền sử dụng 271m² đất ở tại thửa số 467, tờ bản đồ số 19 tại thôn Trúc Đình, xã Xuân Trúc theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 602887 do UBND huyện Ân Thi cấp ngày 27/6/2014 và 100m² của ngôi nhà một tầng trên đất để đảm bảo cho khoản vay (Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 167A/HĐTC ngày 05/7/2016); Tổng số tiền bà L đã được giải ngân là 500.000.000 đồng (Cụ thể: Ngày 01/02/2018 là 200.000.000 đồng, thời hạn trả nợ gốc là 25/7/2018; Ngày 03/4/2018 là 300.000.000 đồng, thời hạn trả nợ gốc là 25/10/2018). Đến ngày 26/7/2018 bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên khoản vay bị chuyển quá hạn. Sau khi Ngân hàng đã đôn đốc nhiều lần trả nợ nhưng bà L không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ, ngày 08/4/2024 Ngân hàng có đơn khởi kiện ra Tòa án yêu cầu bà L, ông N, chị Y phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và các khoản tiền lãi tạm tính đến ngày 21/3/2024 là: 865.500.514 đồng (trong đó nợ gốc: 449.500.000 đồng; lãi trong hạn: 286.080.959 đồng, lãi quá hạn: 129.919.555 đồng).

Bà L trình bày quan điểm: Trước khi ký hợp đồng vay vốn tại Ngân hàng Agribank- Chi nhánh huyện Ân Thi thì chồng bà là ông N và con gái là chị Lương Thị Y đã ủy quyền cho bà ký hợp đồng vay vốn. Ngày 30/01/2018, bà đã tự nguyện ký hợp đồng tín dụng số 2409-LAV-201800390 với Ngân hàng Agribank - Chi nhánh huyện Ân Thi vay số tiền 500.000.000 đồng, để gia đình sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay và các nội dung khác đã ghi rõ trong hợp đồng, bà hiểu hậu quả của việc không trả nợ đúng hạn. Để đảm bảo cho khoản vay, bà đã thế chấp quyền sử dụng 271m² đất ở tại thửa số 467, tờ bản đồ số 19 tại thôn Trúc Đình, xã Xuân Trúc theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 602887 do UBND huyện Ân Thi cấp ngày 27/6/2014. Do ảnh hưởng của dịch Covid- 19 và việc làm ăn không hiệu quả, nên gia đình bà đã không thanh toán đúng hạn cho ngân hàng. Bà nhất trí với nội dung yêu cầu khởi kiện của ngân hàng, tuy nhiên mong ngân hàng gia hạn thời hạn trả nợ để vợ chồng bà thu xếp trả nợ gốc và xin ngân hàng giảm tiền lãi.

Tại phiên tòa ý kiến của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có quan điểm: Trong quá trình vay bà L đã trả được số tiền 70.500.000 đồng tiền gốc (Trong đó: Đối với khoản vay 200.000.000 đồng đã trả được 37.500.000 đồng tiền gốc vào các ngày: Ngày 27/02/2019 trả 4.000.000 đồng; Ngày 04/6/2019 trả 5.000.000 đồng; Ngày 17/9/2019 trả 2.000.000 đồng; Ngày 24/9/2019 trả 2.500.000 đồng; Ngày 06/7/2020 trả 4.000.000 đồng; Ngày 09/7/2020 trả 4.000.000 đồng; Ngày 18/8/2020 trả 6.000.000 đồng; Ngày 21/11/2022 trả 10.000.000 đồng. Đối với khoản vay 300.000.000 đồng, đã trả được 33.000.000 đồng tiền gốc vào các ngày: Ngày 19/4/2023 trả 3.000.000 đồng; Ngày 23/6/2023 trả 5.000.000 đồng; Ngày 20/3/2024 trả 5.000.000 đồng; Ngày 07/5/2024 trả 5.000.000 đồng; Ngày 22/5/2024 trả 5.000.000 đồng; Ngày 28/6/2024 trả 5.000.000 đồng; Ngày 25/7/2024 trả 5.000.000 đồng), còn nợ 429.500.000 đồng tiền

gốc và nợ lãi tạm tính đến hết ngày 01/8/2024 là 440.162.226 đồng (Trong đó lãi trong hạn là 302.188.768 đồng, lãi quá hạn là 137.973.458 đồng), tổng cộng là 869.662.226 đồng và đề nghị Tòa án tuyên buộc bà L, ông N, chị Y phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ gốc cũng như các khoản tiền lãi phát sinh cho đến khi tất toán khoản vay. Trường hợp không trả được nợ thì đề nghị Tòa án phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Vẫn giữ nguyên các yêu cầu đã được thể hiện trong đơn khởi kiện gửi Tòa án. Đối với phần lãi chậm trả lãi được quy định trong Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng không yêu cầu, đề nghị.

Tại phiên tòa bị đơn, đại diện theo ủy quyền của bị đơn có quan điểm: Nhất trí với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, tuy nhiên do khó khăn nên mới chậm thanh toán cho Ngân hàng, mong muốn Ngân hàng tạo điều kiện về thời gian, gia đình sẽ tất toán khoản vay trong tháng 02/2025.

Phát biểu của KSV tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 BLTTDS; Điều 274, khoản 1 Điều 275, 280, 299, 323, 401, 463, 466 BLDS; khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95, khoản 3 Điều 98 Luật Tổ chức tín dụng 2010; Điều 7, khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01 ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326 quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt N. Đề nghị HĐXX:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Agribank

Buộc vợ chồng bà L, ông N và chị Y phải trả cho Ngân hàng Agribank tổng số tiền: 869.662.226 đồng, gồm: 429.500.000 đồng tiền gốc và tiền lãi tạm tính đến hết ngày 01/8/2024 là 440.162.226 đồng (Trong đó lãi trong hạn là 302.188.768 đồng, lãi quá hạn là 137.973.458 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận.

Ngân hàng Agribank có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản để đảm bảo thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 167A ngày 05/7/2016 giữa bà L, ông N với Ngân hàng Agribank là quyền sử dụng 271m² đất

ở tại thửa số 467, tờ bản đồ số 19 tại thôn Trúc Đình, xã Xuân Trúc theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 602887 do UBND huyện Ân Thi cấp ngày 27/6/2014 và 100m² của ngôi nhà một tầng trên đất đứng tên bà L, ông N. Trường hợp số tiền thu hồi sau khi xử lý tài sản đảm bảo trên không đủ để trả nợ cho Ngân hàng Agribank thì bà L, ông N và chị Y tiếp tục phải thanh toán cho Ngân hàng Agribank nghĩa vụ còn thiếu.

Bị đơn phải chịu tiền án phí KDTM sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nhưng được xem xét giảm án phí do có hoàn cảnh khó khăn. Nguyên đơn được hoàn trả số tiền nộp tạm ứng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi đã nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: NH khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị L, ông Lương Trung N và chị Lương Thị Y có hộ khẩu thường trú tại Xuân Trúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên thanh toán khoản vay được ký kết tại Hợp đồng tín dụng số 2409-LAV-201800390 ngày 30/1/2018, tạm tính đến ngày 01/8/2024 tổng số nợ: **869.662.226 đồng** (trong đó nợ gốc: **429.500.000 đồng**, nợ các khoản lãi: **440.162.226 đồng** gồm lãi trong hạn là **302.188.768 đồng**, lãi quá hạn là **137.973.458 đồng**) được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng nên căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, Tòa án nhân dân huyện Ân Thi thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng: Ngày 30/1/2018 bà L đứng ra ký hợp đồng tín dụng số 2409-LAV-201800390 với NH – chi nhánh huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên để vay số tiền 500.000.000 đồng, mục đích chăn nuôi lợn thịt và phía Ngân hàng đã giải ngân số tiền trên, bà L đã nhận đủ số tiền. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng bà L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng, mặc dù phía Ngân hàng cũng đã thông báo về việc chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán cũng như đôn đốc việc thanh toán nhưng bà L vẫn không thực hiện. Việc này đã vi phạm Điều 4,5, điểm k khoản 2 Điều 9 của Hợp đồng tín dụng số 2409-LAV-201800390 ngày 30/01/2018. Do đó Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt N khởi kiện ra Tòa án để buộc bà L, ông N, chị Y phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ chấp nhận.

Xét về tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn quá hạn, tiền lãi quá hạn: Tổng số tiền mà NH – chi nhánh huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên đã giải ngân cho bà L là 500.000.000 đồng được xác định là nợ gốc, số tiền này bà L đã nhận đủ, quá trình vay bà L đã trả được một phần nợ gốc, tạm tính đến ngày 01/8/2024 nợ gốc còn **429.500.000 đồng**. Do đó bà L, ông N, chị Y phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng. Đối với tiền lãi trong hạn được tính trên số tiền thực tế mà bà L vay của Ngân hàng, mức lãi suất trong hạn thỏa thuận tại thời điểm ký kết phù hợp với lãi suất quy định của Ngân hàng nhà nước Việt N tại thời điểm ký kết hợp đồng theo Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước. Vì vậy yêu cầu tính lãi của Ngân hàng đối với bà L, ông N, chị Y có căn cứ chấp nhận, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (01/8/2024) tổng số tiền lãi trong hạn bà L, ông N, chị Y phải trả cho Ngân hàng số

tiền **302.188.768 đồng**, đối với lãi quá hạn theo quy định của Hợp đồng, các khế ước nhận nợ thì các bên thỏa thuận lãi quá hạn xác định bằng 150% lãi suất trong hạn là phù hợp với quy định của pháp luật, do đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu tính lãi quá hạn của Ngân hàng đối với bà L, ông N, chị Y, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (01/8/2024) lãi suất quá hạn là **137.973.458 đồng**. Tổng tiền gốc, tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn mà bà L, ông N, chị Y phải thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày xét xử sơ thẩm (01/8/2024) là: **869.662.226 đồng**. Đối với phần lãi chậm trả lãi phía ngân hàng không có yêu cầu, đề nghị nên không xem xét, giải quyết.

Xét về tài sản bảo đảm: Đề bảo đảm cho khoản vay nêu trên bà L, ông N đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 167A/HĐTC ngày 05/7/2016 với Ngân hàng, theo nội dung của Hợp đồng thế chấp thì bà L, ông N đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng 271m² đất ở tại thửa số 467, tờ bản đồ số 19 tại thôn Trúc Đình, xã Xuân Trúc theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 602887 do UBND huyện Ân Thi cấp ngày 27/6/2014 và 100m² của ngôi nhà một tầng trên đất để đảm bảo cho khoản vay. Do bà L, ông N, chị Y vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng có quyền khởi kiện ra Tòa án để yêu cầu bà L, ông N, chị Y thực hiện nghĩa vụ thanh toán và có quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm được ký trong Hợp đồng thế chấp để bảo đảm việc thu hồi nợ là có căn cứ chấp nhận.

Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của NH được chấp nhận nên sẽ được trả lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí. Bà L, ông N, chị Y liên đới chịu án phí KDTM theo quy định của pháp luật. Bà L có đơn xin miễn giảm án phí KDTM vì lý do kinh doanh gặp khó khăn có căn cứ nên được chấp nhận, giảm 50% án phí KDTM.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 BLTTDS; Điều 274, khoản 1 Điều 275, 280, 299, 323, 401, 463, 466, 468 của BLDS; khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95, khoản 3 Điều 98 Luật Tổ chức tín dụng 2010; Điều 7, khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01 ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326 quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt N.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của NH. Buộc bà Nguyễn Thị L, ông Lương Trung N, chị Lương Thị Y phải thanh toán cho NH – chi nhánh huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên tổng số tiền tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (01/8/2024) là: **869.662.226 đồng** (trong đó nợ gốc: **429.500.000 đồng**, nợ các khoản lãi: **440.162.226 đồng** gồm lãi trong hạn là **302.188.768 đồng**, lãi quá hạn **137.973.458 đồng**) theo Hợp đồng tín dụng số 2409-LAV-201800390 ký ngày 30/01/2018.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà L, ông N, chị Y có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi quá hạn phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 2409-LAV-201800390 ký ngày 30/01/2018 giữa bà Nguyễn Thị L với NH – chi nhánh huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

NH – chi nhánh huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản để đảm bảo thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 167A/HĐTC ngày 05/7/2016 giữa bà Nguyễn Thị L, ông Lương Trung

N với NH – chi nhánh huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên là quyền sử dụng 271m² đất ở tại thửa số 467, tờ bản đồ số 19 tại thôn Trúc Đình, xã Xuân Trúc theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 602887 do UBND huyện Ân Thi cấp ngày 27/6/2014 và 100m² của ngôi nhà một tầng trên đất đứng tên bà Nguyễn Thị L và ông Lương Trung N. Trường hợp số tiền thu hồi sau khi xử lý tài sản đảm bảo trên không đủ để trả nợ cho NH – chi nhánh huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên thì bà L, ông N, chị Y tiếp tục phải thanh toán cho NH – chi nhánh huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên nghĩa vụ còn thiếu.

Đối với phần lãi chậm trả lãi: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Bà L, ông N, chị Y liên đới phải chịu 38.089.866 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Giảm 50% tiền án phí KDTM. Bà L, ông N, chị Y liên đới phải chịu 19.044.933 đồng.

Trả lại NH số tiền 19.000.000 đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000794 ngày 17/5/2024 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Ân Thi.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- VKSND huyện Ân Thi
- Các đương sự;;
- Chi cục THADS;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Bá H

